

3 Các Loại Giấy Phép và Bảo Hiểm Xe

Luật RT 84 II • III,
85, 86

(1) Phân Loại Giấy Phép

Giấy phép lái xe được phân thành ba loại sau đây.

Giấy phép hạng nhất (loại 1)	Cần thiết để điều khiển ô tô và xe đạp máy bình thông. (Không bao gồm những phương tiện cần giấy phép hạng hai.)
Giấy phép hạng hai (loại 2)	Cần thiết để điều khiển xe buýt, taxi hoặc phương tiện khác chuyên chở hành khách trả phí hoặc phương tiện cơ giới thông thường dành cho dịch vụ lái xe được chỉ định. ¹
Giấy phép người tập lái xe	Cần thiết để điều khiển một phương tiện cỡ lớn, phương tiện cỡ trung, phương tiện cỡ bán trung hoặc phương tiện cơ giới thông thường cho mục đích học lái xe hoặc làm bài thi lấy giấy phép lái xe.

*1










Đề cập đến một phương tiện chở khách thông thường do những người lái xe làm việc cho một nhà khai thác dịch vụ lái xe được chỉ định vận hành (chủ yếu dùng để chở người đã uống rượu về nhà).

Gợi Ý Nhanh

Xe buýt chở khách hoặc taxi có thể được lái mà không có giấy phép hạng hai nếu là để trả lại xe hoặc vì một lý do khác không liên quan đến việc chở hành khách.

(2) Các Loại Giấy Phép Hạng Nhất

Có mười loại giấy phép hạng nhất. Bảng dưới đây cho biết loại phương tiện nào có thể được lái với mỗi giấy phép.

Xe đủ điều kiện để lái	Phương tiện cỡ lớn	Phương tiện cỡ trung	Phương tiện cỡ bán trung	Phương tiện cơ giới thông thường	Thiết bị hạng nặng đặc biệt	Xe máy cỡ lớn	Xe máy thông thường	Thiết bị hạng nhẹ đặc biệt	Xe đạp máy
Loại giấy phép hạng nhất (tuổi tối thiểu)									
Cỡ lớn (21) *1	●	●	●	●				●	●
Cỡ trung (20) *1		● *2	● *2	● *2				●	●
Cỡ bán trung (18)			● *2	● *2				●	●
Thông thường (18)				● *2				●	●
Thiết bị hạng nặng đặc biệt (18)					●			●	●
Xe máy cỡ lớn (18)						● *2	● *2	●	●
Xe máy thông thường (16)							● *2 *3	●	●
Thiết bị hạng nhẹ đặc biệt (16)								●	
Xe đạp máy (16)									●
Giấy phép kéo xe (18)	Cần có loại giấy phép này để kéo một phương tiện nặng hơn 750 kg bằng cách sử dụng phương tiện cỡ lớn, phương tiện cỡ trung, phương tiện cỡ bán trung, phương tiện cơ giới thông thường hoặc thiết bị hạng nặng đặc biệt.*4								

*1

Tuổi tối thiểu là 19 nếu là người được chỉ định đặc biệt như là sĩ quan tự vệ v.v.

*2

Chỉ những ô tô có hộp số tự động mới có thể được lái với giấy phép chỉ định hộp số tự động.

*3

Chỉ những xe máy có dung tích từ 125 cc trở xuống hoặc công suất động cơ định mức từ 1,00 kW trở xuống mới có thể được điều khiển với giấy phép chỉ định xe máy cỡ nhỏ.

*4

Chỉ các rơ moóc cắm trại hoặc các rơ moóc khác có tổng trọng lượng dưới 2.000 kg mới có thể được kéo xe với giấy phép chỉ định các rơ moóc cỡ nhỏ.

3 Chức Năng Thị Giác

Khi lái xe, sử dụng một loạt các kỹ năng vận động và nhận thức giác quan, thì vai trò quan trọng nhất là thị giác.

(1) Thị lực

A Thị lực

Thị lực được đo thông qua bảng Kiểm Tra Thị Lực Quốc Tế¹. Tuy nhiên, tầm nhìn ngoại vi kém chính xác hơn nhiều so với tầm nhìn trực tiếp. Do đó, người lái xe bắt buộc phải chú ý đến đường sá nói chung và không cố định vào một điểm cụ thể.

Nhận thức chính xác về môi trường rất quan trọng, đặc biệt là ở tốc độ cao.

B Tầm nhìn động

Tầm nhìn của bạn trong quá trình chuyển động và tầm nhìn của bạn về những thứ chuyển động được gọi là tầm nhìn Động. Tầm nhìn động² kém chính xác hơn so với khi nhìn vào các vật thể cố định. **Khi tốc độ tăng, độ chính xác thị giác giảm**, gây trì hoãn nhận thức về các tình huống nguy hiểm.

*1

Bảng Kiểm Tra Thị Lực Quốc Tế

0.2	⊙	⊙	⊙	⊙
0.3	⊙	⊙	⊙	⊙
0.4	⊙	⊙	⊙	⊙
0.5	⊙	⊙	⊙	⊙
0.6	⊙	⊙	⊙	⊙
0.7	⊙	⊙	⊙	⊙
0.8	⊙	⊙	⊙	⊙
0.9	⊙	⊙	⊙	⊙
1.0	⊙	⊙	⊙	⊙
1.2	⊙	⊙	⊙	⊙
1.5	⊙	⊙	⊙	⊙

*2

Tầm nhìn động...

- một người đang di chuyển và những người khác cũng di chuyển.
- một người đang di chuyển, nhưng những người khác đang dừng lại.
- một người đang dừng lại, nhưng những người khác đang di chuyển.



Tầm nhìn tĩnh



Tầm nhìn động

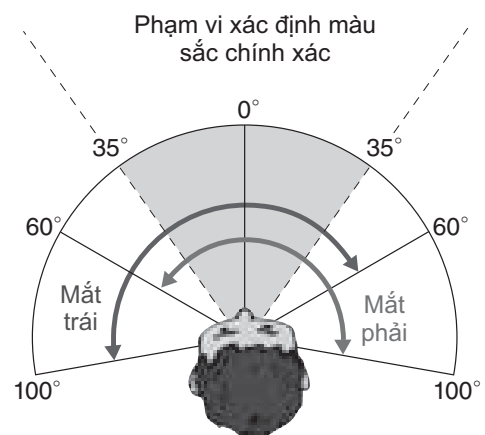
(2) Trường nhìn

A Trường nhìn

Phạm vi tầm nhìn tiêu chuẩn của một người được gọi là trường nhìn. **Với một mắt, phạm vi thông thường khi đứng yên là khoảng 160 độ. Với cả hai mắt, phạm vi sẽ khoảng 200 độ.**

Màu sắc chỉ có thể được xác định chính xác trong phạm vi 35 độ. Ngoài điểm này, gần như không thể nhận ra màu sắc một cách chính xác.

Do đó, nếu một người không chú ý, họ có thể đọc sai đèn giao thông hoặc biển báo.



B Mối quan hệ giữa trường nhìn và tốc độ.

Khi tốc độ xe tăng lên, trường nhìn trở nên hẹp hơn và người lái xe có xu hướng tập trung vào khoảng cách. Đổi lại, người lái xe ít chú ý đến các khu vực gần với xe hơn và do đó có thể bỏ qua người đi bộ, xe đạp hoặc các chướng ngại vật khác.



Trường nhìn ở tốc độ thấp



Trường nhìn ở tốc độ cao

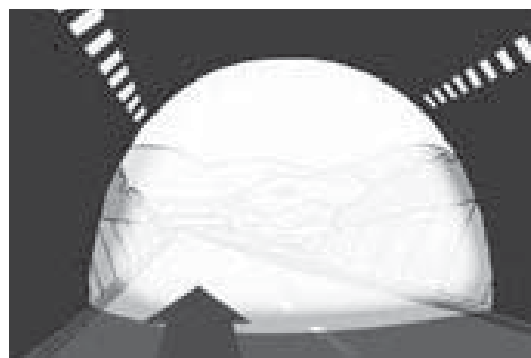
(3) Thích ứng

Khi bị tiếp xúc với ánh sáng, con người phản ứng với ánh sáng chói lòa và không thể nhìn rõ. Khi mắt điều chỉnh thích nghi với ánh sáng, tầm nhìn dần trở lại. Đây gọi là **sự thích ứng với ánh sáng**.

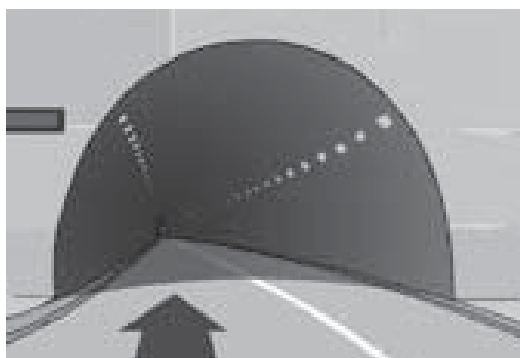
Ngược lại, khi ánh sáng bị tắt đột ngột, tầm nhìn bị suy giảm nghiêm trọng. Tuy nhiên, tầm nhìn từ từ trở lại khi mắt điều chỉnh theo sự thay đổi ánh sáng. Đây gọi là **sự thích ứng với bóng tối**.

Sự thích ứng với bóng tối mất nhiều thời gian hơn sự thích ứng với ánh sáng.

Lái xe nên cẩn thận và giảm tốc độ khi vào và ra khỏi đường hầm¹.



Sự thích ứng với ánh sáng



Sự thích ứng với bóng tối

^{*1}
Vào lúc chập tối, mắt không thể điều chỉnh theo tốc độ khi môi trường xung quanh trở nên tối, gây giảm tầm nhìn của người lái xe. Xem Trang 209 để biết chi tiết.

4 Phán Đoán Khoảng Cách và Tốc Độ

Người lái xe thường xuyên phán đoán khoảng cách mà không xác nhận tốc độ của chính họ. Đánh giá chính xác về tốc độ và khoảng cách là việc khó và mọi người thường đưa ra những phán đoán không chính xác.

Để cải thiện tính chính xác, người lái xe nên xác nhận tốc độ của họ bằng cách kiểm tra đồng hồ tốc độ.

Đặc biệt, người lái xe cần hết sức chú ý không lái xe quá nhanh khi ra khỏi đường cao tốc.

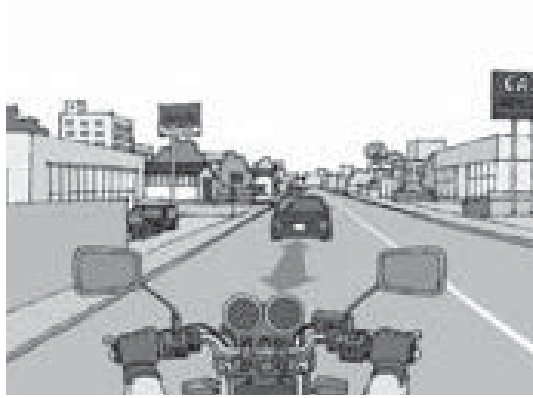


Gợi Ý Nhanh

Cách sử dụng thời gian để đo khoảng cách

Bạn có thể sử dụng thời gian để đo khoảng cách và duy trì không gian phù hợp giữa xe của bạn và xe phía trước.

Khi xe phía trước bạn vượt qua một điểm nhất định và xe của bạn cũng đi đến điểm đó ít nhất 2-3 giây sau, thì bạn đang duy trì khoảng cách an toàn với xe phía trước. Trên đường cao tốc, cần một khoảng thời gian ít nhất bốn giây.



Giữ khoảng cách an toàn?



Nhìn vào đồng hồ tốc độ?

Trong các điều kiện bất lợi sau đây, độ chính xác bị giảm đi.

① **Ban đêm**

Phán đoán của người lái xe bị ảnh hưởng vào ban đêm dẫn đến những phán đoán không chính xác. Nếu người lái xe duy trì khoảng cách được phán đoán bằng đèn của xe đi trước, có thể dẫn đến khoảng cách không chính xác.

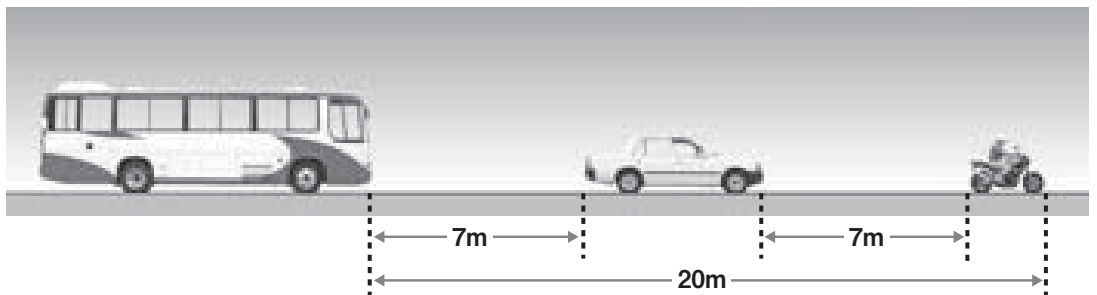
② **Đường cao tốc**

Người lái xe có tầm nhìn rộng với mọi thứ xung quanh, vì vậy họ cảm thấy rằng họ đang đi chậm hơn thực tế.

③ **Kích cỡ phương tiện**

Ngay cả khi các xe đang ở cùng một khoảng cách, **thì xe lớn hơn dường như gần hơn và xe nhỏ hơn dường như xa hơn.**

Từ khoảng cách 100 mét, một chiếc xe cỡ lớn, một chiếc xe chở khách và một chiếc xe hai bánh trông như ở cùng một khoảng cách với nhau. Trên thực tế, như trong hình dưới đây, khoảng cách từ xe hai bánh đến xe cỡ lớn là 20 mét.



2 Các Yếu Tố Ảnh Hưởng Đến Nhận Biết, Phán Đoán và Vận Hành

Có nhiều yếu tố khác nhau có thể dễ dàng dẫn đến hậu quả bất lợi ảnh hưởng đến nhận biết, phán đoán và vận hành.

Một số yếu tố, chẳng hạn như uống rượu hoặc mệt mỏi, có thể được ngăn chặn trước.

1 Sử Dụng Đồ Uống Có Cồn

(1) Ảnh hưởng của chất cồn

Ảnh hưởng của việc sử dụng đồ uống có cồn không giống nhau giữa mọi người.

Tuy nhiên, dù việc sử dụng đồ uống có cồn có thể tạm thời làm giảm căng thẳng và giúp người ta thư giãn, nhưng nó cũng có thể mang lại cho mọi người cảm giác phấn khích và ảo giác rằng tâm trí của họ đang rất rõ ràng rành mạch.

Tuy nhiên, trong thực tế, sử dụng đồ uống có cồn gây tổn hại các chức năng não, và khiến não bộ không thể phán đoán và suy nghĩ một cách logic.

Vì khả năng phán đoán và tự kiểm chế bị suy giảm sau khi uống rượu, nên việc lái xe chính xác và an toàn là điều không thể.

(2) Nguy hiểm của việc lái xe khi say

Lái xe khi say có thể dẫn đến tử vong hoặc tai nạn giao thông nghiêm trọng. Thậm chí việc nghĩ rằng đã một lúc trôi qua kể từ khi sử dụng đồ uống có cồn vậy nên lái xe sẽ không sao, cũng có thể cực kỳ nguy hiểm.

KHÔNG LÁI XE ngay cả khi bạn mới chỉ nhấp môi đôi chút!!

Không cho phép hoặc khuyến khích ai đó sử dụng đồ uống có cồn¹ khi chuẩn bị lái xe.



Gợi Ý Nhanh

Ảnh hưởng của chất cồn

- Bạn trở nên quá tự tin.
- Bạn lái xe quá nhanh.
- Trường nhìn hạn hẹp đi.
- Cảm nhận khoảng cách không rõ ràng.

Luật RT 65

^{*1}
Hình phạt cho lái xe khi say đặc biệt nghiêm trọng.

- ① Lái xe khi say: Lên đến năm năm tù hoặc phạt tiền lên tới một triệu yên.
- ② Lái xe khi có chất cồn (Nồng độ cồn từ 0,15 mg/l khi thở trở lên): Lên đến ba năm tù hoặc phạt tiền lên tới 500.000 yên.

Hơn nữa, những người mời người lái xe uống chất cồn hoặc đưa phương tiện cho người say có thể bị buộc tội và bị phạt nặng vì hỗ trợ và khuyến khích hành vi lái xe khi uống chất cồn.



Gợi Ý Nhanh

Chất cồn tồn tại bao lâu trong cơ thể bạn

Tùy thuộc vào mức độ bạn đã uống, chất cồn có thể tích lại trong cơ thể bạn tới sáng hôm sau.

Chỉ "ngủ qua đêm" thôi có thể vẫn chưa đủ. Nếu bạn dự định lái xe vào ngày hôm sau, bạn cần cẩn thận về lượng rượu bia mình uống. Ngoài ra, bạn nên hạn chế lái xe vào ngày hôm sau khi đã uống nhiều rượu bia.

Điểm

Lượng rượu bia tiêu thụ và tình trạng say xỉn

Mặc dù có sự khác biệt ở từng cá nhân, nhưng lượng rượu bia tiêu thụ nói chung sẽ dẫn đến các tình trạng say xỉn sau đây:

Lượng rượu bia tiêu thụ	Nồng độ cồn trong hơi thở	Tình trạng say xỉn
Bia chai vừa: Tối đa 1 chai Rượu Sake: Tối đa 1 go (khoảng 180 ml)	0,1 mg/l ~ 0,2 mg/l	Sự phán đoán bị giảm sút đôi chút
Bia chai vừa: 1-2 chai Rượu Sake: 1-2 go (khoảng 180-360 ml)	0,25 mg/l ~ 0,5 mg/l	Cử động tay trở nên nhiều hơn
Bia chai vừa: 3 chai Rượu Sake: 3 go (khoảng 540 ml)	0,55 mg/l ~ 0,75 mg/l	Đứng không vững
Bia chai vừa: 4-6 chai Rượu Sake: 4-6 go (khoảng 720-1.080 ml)	0,8 mg/l ~ 1,5 mg/l	Dáng đi lảo đảo
Bia chai vừa: 7-10 chai Rượu Sake: 7-10 go (khoảng 1.260-1.800 ml)	1,55 mg/l ~ 2 mg/l	Không thể đứng
Bia chai vừa: Trên 10 chai Rượu Sake: Trên 1 sho (khoảng 1,8 l)	2,05 mg/l ~	Không thể tỉnh dậy ngay cả khi bị lay gọi

※ Dựa trên nam giới nặng 60 kg.

Nguồn: "Sổ tay Hướng dẫn Sức khỏe Rượu bia, 2003" do Susumu Higuchi biên soạn.

2 Mệt mỏi

(1) Yếu tố gây mệt mỏi

Sau đây là những nguyên nhân gây mệt mỏi khi lái xe.

- A Gián đoạn trong lối sống chẳng hạn như thiếu ngủ.
- B Tuổi già hoặc thiếu kinh nghiệm.
- C Thời gian trong ngày, nhiệt độ, điều kiện đường xá, quãng đường di chuyển, điều kiện bên trong xe, v.v.

(2) Ảnh hưởng của mệt mỏi

Khi một người mệt mỏi, các triệu chứng như ngáp, thiếp đi, v.v., dẫn đến thời gian phản ứng chậm hơn.

Các triệu chứng mà người ta không thể nhìn thấy là tăng nhịp tim và huyết áp.

Điều quan trọng là ngay lập tức nghỉ ngơi ngay cả khi chỉ cảm thấy hơi buồn ngủ.



★thiếp đi= ngủ gật

2 Kiểm Định Ô Tô

(1) Nhiệm Vụ Đưa Ô Tô Đi Kiểm Định

Mỗi ô tô (không bao gồm ô tô nhỏ gọn, được loại trừ không phải kiểm định^{*1} và thiết bị chuyên dụng hạng nhẹ) phải trải qua kiểm định an toàn bắt buộc (“độ rung lắc”) sau mỗi khoảng thời gian cố định và phải nhận được **giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới** trước khi có thể lái.

Điểm

Thời Gian Kiểm Định (Độ Rung Lắc) -- Phương tiện chính --

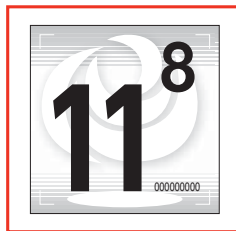
Ô tô được kiểm định hàng năm	Ô tô được kiểm định hai năm một lần
<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng thương mại Ô tô (không bao gồm các loại xe có tổng dung tích từ 660cc trở xuống và xe máy cỡ lớn và xe máy thông thường) Sử dụng cá nhân ① Xe tải thông thường (không bao gồm xe từ 660cc trở xuống) ② Ô tô chở khách có sức chứa từ 11 hành khách trở lên Xe cho thuê (không bao gồm xe từ 660cc trở xuống) 	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng cá nhân ① Ô tô chở khách có sức chứa từ 10 hành khách trở xuống ② Xe tải thông thường từ 660cc trở xuống ③ Xe máy cỡ lớn ④ Xe máy thông thường (không bao gồm xe từ 250cc trở xuống) Xe cho thuê (từ 660cc trở xuống)

Lưu ý: Trong số những chiếc ô tô được kiểm định hai năm một lần, lần kiểm tra bắt buộc đầu tiên là vào năm thứ ba đối với xe máy mới và ô tô chở khách tư nhân (giới hạn tổng trọng lượng dưới 8 tấn).

(2) Nhãn Dán Kiểm Định

Khi một chiếc ô tô vượt qua đợt kiểm định, chiếc ô tô đó sẽ được cấp giấy chứng nhận kiểm định phương tiện và nhãn dán kiểm định. **Nhãn dán kiểm định** phải được hiển thị bằng cách dán vào mặt trong của kính chắn gió phía trước² để có thể dễ dàng nhìn thấy từ phía trước và từ ghé lái.

Nhãn dán kiểm định cho biết **tháng** (và năm) **kiểm định tiếp theo**.



“8” biểu thị năm hết hạn giấy chứng nhận kiểm định và số “11” biểu thị tháng trong nhãn dán kiểm định.

3 Giấy Chứng Nhận Kiểm Định Phương Tiện Cơ Giới và Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm Trách Nhiệm Bắt Buộc Của Chủ Xe Ô Tô

Ô tô yêu cầu kiểm định phải có **giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới hợp lệ** và **giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô** (CALI hoặc “jibaiseki hoken”) hoặc **giấy chứng nhận bảo hiểm hệ thống hỗ trợ lẫn nhau** (“sekinin kyosai”)^{*3}.

Ô tô không được kiểm định và xe đạp máy không được lái nếu không có bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm hệ thống hỗ trợ lẫn nhau.

Trước khi lái xe ô tô hoặc xe đạp máy, hãy xác nhận rằng phương tiện được đài thọ bởi bảo hiểm đó và thời hạn hiệu lực chưa hết hạn.

*1
Ô tô nhỏ gọn không cần kiểm định...

Đề cập đến xe máy có dung tích động cơ từ 250 cc trở xuống và các phương tiện có dung tích động cơ từ 660 cc trở xuống sử dụng bánh xích hoặc bánh di chuyển trên tuyết.

*2
Xe hai bánh, v.v .

Đối với các phương tiện không có buồng lái hoặc kính chắn gió phía trước, chẳng hạn như xe máy cỡ lớn và thông thường, biểu tượng phải được dán vào biển số xe ở phía sau xe, ở góc trên bên trái để có thể dễ dàng nhìn thấy.

Gợi Ý Nhanh

Nhãn Dán Bảo Hiểm

Các ô tô nhỏ gọn không cần kiểm định và xe đạp máy được yêu cầu phải hiển thị “nhãn dán bảo hiểm” cho thấy rằng phương tiện được đài thọ bởi bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô.



Lưu ý:
Màu sắc của nhãn dán này thay đổi từ năm này sang năm khác theo thứ tự sau: xanh dương, cam, tím, vàng-lục, đỏ,

*3
Hệ thống hỗ trợ lẫn nhau...

Đề cập đến hỗ trợ lẫn nhau về trách nhiệm pháp lý bắt buộc của ô tô, phục vụ cùng một mục đích như bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô và được cung cấp bởi các tổ chức như hiệp hội nông nghiệp và hợp tác xã tiêu dùng.

させつ	左折	66, 101, 238
	rẽ trái	
しーとべると	シートベルト	16, 247
	dây an toàn	
しかく	資格	125, 127
	yêu cầu/trình độ	
しかく	死角	102, 156, 282
	điểm mù/tầm nhìn bị chặn	
じかよう	自家用	298
	sử dụng cá nhân	
じぎょうよう	事業用	298
	sử dụng thương mại	
しじひょうしき	指示標識	36
	biển báo chỉ định	
じてんしゃ	自転車	5, 95
	xe đạp	
じてんしゃおうだんたい	自転車横断帯	6, 95
	vạch sang đường dành cho xe đạp	
じどううんてんしゃ	自動運転車	145
	Xe tự lái	
じどうしゃ	自動車	5, 126
	ô tô	
じどうしゃけんさしょう	自動車検査証	17, 299
	giấy chứng nhận kiểm định phương tiện cơ giới	
じどうしゃせんようどうろ	自動車専用道路	316
	đường ô tô	
じどうしゃそんがいばいしょうせきにんほけん ...	自動車損害賠償責任保険	17, 302
	bảo hiểm trách nhiệm bắt buộc của chủ xe ô tô	
しゃ	視野	176
	tầm nhìn	
しゃかんきより	車間距離	85, 318
	khoảng cách giữa các phương tiện	
しゃこ	車庫	273, 277
	nơi để xe/chỗ đỗ xe	
しゃせん	車線	7, 53, 106
	làn đường	
しゃどう	車道	6, 50
	lòng đường	
しゃはばとう	車幅灯	210
	đèn bên hông	
しゃりょう	車両	5, 40
	phương tiện	
しゃりょうそうじゅうりょう	車両総重量	8
	tổng trọng lượng xe	
しゃりょうつうこうたい	車両通行帯	7, 53, 106
	làn xe	
じゅうたい	渋滞	51, 160
	tắc nghẽn	